TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/KDTM-ST
Ngày: 08/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Bà Võ Thị Hồng Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 49/2023/TLST-DS ngày 18/4/2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-KDTM ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X; địa chỉ: Ô số 004 lô M15, đường L, khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vương Đức Th, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: 18/2 đường 40, phường B, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Km 1877 Quốc lộ 1K, khu phố C, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 31/3/2023). Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH K; địa chỉ: Thửa đất số 1213, tờ bản đồ số 40, khu phố K, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Dương Thị Hoàng A, chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X trình bày:

Trong năm 2022, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X (sau đây gọi tắt là Công ty X) có bán cho Công ty TNHH K (sau đây gọi tắt là Công ty K) các loại hàng hóa là ván MDF các loại, việc mua bán không lập hợp đồng bằng văn bản với tổng giá trị là 652.882.227 đồng (đã bao gồm 10% VAT). Tương ứng với giá trị hàng hóa như trên, Công ty X đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty K, bao gồm: Hóa đơn số 186 ngày 08/6/2022; số 214 ngày 20/6/2022; số 217 ngày 20/6/2022; số 227 ngày 23/6/2022 và số 300 ngày 12/7/2022 nhưng đến nay Công ty K vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty X mặc dù đã quá hạn thanh toán từ lâu (thời hạn thanh toán 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn). Công ty X đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu Công ty K thanh toán công nợ nhưng Công ty K vẫn chưa thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cũng như ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty X.

Vì vậy, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X khởi kiện Công ty TNHH K ra Tòa án nhân dân thành phố T yêu cầu Công ty TNHH K có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X tổng số tiền là 698.583.982 đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 652.882.227 đồng.

- Tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 01/09/2022 cho tới ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính tới ngày 31/3/2023) với lãi suất 1%/tháng là 45.701.755 đồng (Lãi suất sẽ được tiếp tục tính cho tới khi Công ty K hoàn thành nghĩa vụ thanh toán).

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đồng thời có văn bản trình bày ý kiến bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc Công ty TNHH K có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X tổng số tiền là 726.440.291 đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 652.882.227 đồng.

- Tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/09/2022 cho tới ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/08/2023) với lãi suất 1%/tháng là: 652.882.227 đồng x 11 tháng 08 ngày x 1%/tháng = 73.558.064 đồng (Lãi suất sẽ được tiếp tục tính cho tới khi Công ty K hoàn thành nghĩa vụ thanh toán).

Bị đơn Công ty TNHH K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 1%/tháng cho đến khi thanh toán xong số nợ trên là chưa phù hợp với qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X (sau đây viết tắt là Công ty X) yêu cầu bị đơn Công ty TNHH K (sau đây viết tắt là Công ty K) thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ và tiền lãi phát sinh trong thời gian chậm trả cho nên đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo quy định tại Điều 27 của Luật Thương mại và Điều 385 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty TNHH K có trụ sở tại thửa đất số 1213, tờ bản đồ 40, khu phố K, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo qui định tại Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định Công ty X có bán cho Công ty K hàng hóa là ván MDF các loại với tổng giá trị là 652.882.227 đồng (đã bao gồm 10% VAT), việc mua bán không lập hợp đồng bằng văn bản nhưng có xuất hoá đơn giá trị gia tăng bao gồm: Hóa đơn số 186 ngày 08/6/2022; số 214 ngày 20/6/2022; số 217 ngày 20/6/2022; số 227 ngày 23/6/2022 và số 300 ngày 12/7/2022. Nguyên đơn cho rằng bị đơn không thanh toán tiền mua hàng nên yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng gồm: Tiền nợ gốc là 652.882.227 đồng và tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/09/2022 cho tới ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/08/2023) với lãi suất 1%/tháng là: 652.882.227 đồng x 11 tháng 08 ngày x 1%/ tháng = 73.558.064 đồng (Lãi suất sẽ được tiếp tục tính cho tới khi Công ty K hoàn thành nghĩa vụ thanh toán).

[2] Công văn số 565/ĐKKD ngày 30/6/2023 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác định bị đơn Công ty K vẫn đang hoạt động tại trụ sở đã đăng ký. Việc bị đơn vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và Toà án thu thập được để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Xét thấy, việc mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập bằng lời nói, không lập thành văn bản nhưng hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện có hình thức phù hợp với khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại nên có tính ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với các bên tham gia hợp đồng. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là các phiếu giao hàng, hoá đơn giá trị gia tăng để xác định có giao hàng cho bị đơn như đã thoả thuận. Đồng thời, tại Công văn số 3669/CCTKV-KTr1 ngày 30/6/2023 của Chi cục thuế khu vực T xác định Công ty TNHH K có kê khai, báo cáo, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với các hóa đơn số 186 ngày 08/6/2022; số 214 ngày 20/6/2022; số 217 ngày 20/6/2022; số 227 ngày 23/6/2022 và số 300 ngày 12/7/2022 nêu trên. Như vậy, có căn cứ xác định việc mua bán hàng hoá giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, bị đơn đã nhận hàng hoá theo thoả thuận mua bán nên phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo qui định tại Điều 50 Luật Thương mại. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được xem là từ bỏ quyền phản đối, chứng minh đối với việc thanh toám số nợ trên. Do đó, có căn cứ khẳng định hợp đồng mua bán hàng hoá đã giao kết, bên bán đã thực hiện xong nghĩa vụ giao hàng hoá, bên mua đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền mua hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên bán hàng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền mua hàng là phù hợp nên có sơ sở chấp nhận chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu về tiền lãi, lãi suất chậm thanh toán: Nguyên đơn xác định khi thỏa thuận mua bán các bên không thỏa thuận thời điểm thanh toán tiền mua hàng, tuy nhiên nguyên đơn cho rằng bên mua có nghĩa vụ thanh toán trong hạn 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn. Xét thấy, theo qui định tại khoản 1 Điều 55 Luật Thương mại, nếu không có thoả thuận khác thì bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá. Nguyên đơn xác định thời điểm thanh toán là trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn là có lợi cho bị đơn, đồng thời căn cứ vào nội dung các hoá đơn giá trị gia tăng, phiếu giao hàng có cơ sở xác định bị đơn chưa thanh toán tiền mua hàng cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất chậm thanh toán 1%/tháng là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng thương mại (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh T; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Dương – PGD T và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương – PGD T) nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền sau:

- Tiền nợ mua hàng: 652.882.227 đồng.

- Tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/09/2022 cho tới ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/08/2023) với lãi suất 1%/tháng là: 652.882.227 đồng x 11 tháng 08 ngày x 1%/tháng = 73.558.064 đồng.

Tổng cộng là: 762.440.291 đồng.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 1%/tháng cho đến khi thanh toán xong số nợ trên là chưa phù hợp với qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên không có cơ sở chấp nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 27, 50, 306 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X đối với bị đơn Công ty TNHH K về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc bị đơn Công ty TNHH K có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X như sau:

- Tiền nợ mua hàng: 652.882.227 đồng.

- Tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/09/2022 cho tới ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/08/2023) với lãi suất 1%/tháng là: 652.882.227 đồng x 11 tháng 08 ngày x 1%/ tháng = 73.558.064 đồng.

Tổng cộng là: 762.440.291 đồng (Bảy trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm chín mươi mốt đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X về việc buộc bị đơn Công ty TNHH K thanh toán lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 1%/tháng đối với số tiền nợ trên cho đến khi thanh toán xong số nợ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1 Bị đơn Công ty TNHH K phải chịu 34.497.612 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2 Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X phải chịu 300.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 15.971.680 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007571 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X số tiền 15.671.680 đồng.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm